

## GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2010 - 11/10/2020 to 14/10/2020

## Results - CHIEU NGAY 1

## Event 101 Women 100 LC Meter VHCV

KLQG: 40.62 # 26/11/2018 Thu Pham Thi			HDG		
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>Finals</b>					
1	Nguyen Thi, Hang	18 Da Nang	44.79	41.57	
2	Tran Thi, Huyen Trang	20 Ha Noi	44.17	42.06	
3	Ta Hoang, Minh Anh	19 TP Ho Chi Minh	44.60	42.84	
4	Nguyen Thi, Hue	24 Thai Binh	45.43	43.95	
5	Nguyen Thi, Thuy Dung	14 Quang Ninh	46.00	45.66	
6	Nguyen Thi, Lan Vy	23 Da Nang	45.39	46.26	
7	Vu Thi, Hong Nhung	16 Nam Dinh	46.51	47.56	
8	Mai Ngoc, Nhu Truc	14 Quan Doi	46.11	49.68	

## Event 102 Men 100 LC Meter VHCV

KLQG: 34.42 # 10/2016 Nguyen Thanh Loc			TP Ho Chi Minh		
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>Finals</b>					
1	Nguyen Thanh, Loc	25 TP Ho Chi Minh	39.49	35.14	
2	Do Dinh, Toan	23 TP Ho Chi Minh	39.88	36.37	
3	Nguyen Duy, Anh	17 Da Nang	40.08	37.28	
4	Dang Duc, Manh	18 Quan Doi	39.76	37.48	
5	Nguyen Thanh, Sang	22 Quan Doi	40.26	38.17	
6	Luong Xuan, Tung	20 Ha Noi	40.18	38.31	
7	Nguyen Trung, Kien	31 Ha Noi	40.51	38.42	
8	Nguyen Trong, Dung	17 Nghe An	41.22	40.20	

## Event 103 Women 100 LC Meter CVD

KLQG: 48.68 # 28/11/2018 Duyen Cao Thi			THA		
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>Finals</b>					
1	Cao Thi, Duyen	19 Thanh Hoa	54.03	49.63	
2	Nguyen Thi, Thao	16 Nam Dinh	52.11	51.44	
3	Hoang Thi, Trang	19 Thanh Hoa	52.81	51.45	
4	Vo Thi, Tuyet Hoa	17 Dong Nai	54.62	51.78	
5	Le Hoang, Nam Thuyen	19 TP Ho Chi Minh	56.17	51.83	
6	Nguyen Thi, Kieu Oanh	25 Quang Ninh	56.09	53.46	
7	Mai Ngoc, Nhu Truc	14 Quan Doi	55.95	53.53	
8	Nguyen Thi, Thuy	16 Nam Dinh	53.22	54.07	

## Event 104 Men 100 LC Meter CVD

KLQG: 43.09 # 10/2017 Ngo Phuc Sang			TP Ho Chi Minh		
Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>Finals</b>					
1	Nguyen Ngoc, Huynh	25 Dong Nai	47.98	43.69	
2	Do Thanh, Thao	17 Quan Doi	46.33	45.26	
3	Hoang Van, Tan	19 Ha Noi	48.07	46.13	
4	Le Quy, Don	25 Quan Doi	48.64	46.38	
5	Vu Van, Bac	18 Phu Tho	48.43	46.79	
6	Dinh Viet, Hung	16 Phu Tho	49.25	47.60	
7	Nguyen Van, An	16 Hai Duong	48.64	47.74	
8	Dao Khanh, Duong	18 Cong An Nhan Dan	48.13	48.14	

## GIAI LAN VO DICH QUOC GIA NAM 2010 - 11/10/2020 to 14/10/2020

## Results - CHIEU NGAY 1

## Event 105 Women 400 LC Meter VHCV

KLQG: 3:19.90 # 28/11/2018 Thanh Thu Luu T

HNI

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>Finals</b>					
1	Pham Thi, Kim Thuong	19 Ha Noi	3:41.57	3:25.91	
2	Tran T, Trang Diem	26 Quang Binh	3:33.84	3:30.34	
3	Pham Thi, Hong Diep	16 Thai Binh	3:40.53	3:32.02	
4	Nguyen Thi, Hang	18 Da Nang	3:38.66	3:33.23	
5	Vo T, Thuy Linh	19 Quan Doi	3:45.14	3:34.34	
6	Tran Thi, Diem Quynh	18 Da Nang	3:42.69	3:37.39	
7	Tran Phuong, Nhi	15 Ha Noi	3:44.55	3:38.56	
8	Phan Thi, Thu Ngan	15 Nghe An	3:45.62	3:43.52	

## Event 106 Men 800 LC Meter VHCV

KLQG: 6:25.31 # 12/2017 Luu Nguyen Duc Tam

TP Ho Chi Minh

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Luu Nguyen, Duc Tam	23 TP Ho Chi Minh	6:36.66	6:35.58	
2	Pham Le, Minh Phuc	16 TP Ho Chi Minh	6:59.99	6:47.25	
3	Kim Anh, Kiet	16 Quan Doi	6:48.00	6:49.51	
4	Phan Van, Tuan	20 Quang Binh	6:40.00	6:51.76	
5	Danh Thanh, Ton	19 Da Nang	6:48.00	6:58.88	
6	Mai Xuan, Anh	15 Quan Doi	6:58.00	7:07.25	
7	Le Phuc, Thinh	19 Da Nang	6:50.00	7:11.06	
8	Pham Gia, Khiem	15 Ha Nam	7:01.00	7:21.93	
9	Dinh Ngoc, Anh	15 Thai Binh	7:20.00	7:23.47	
10	Dang Phu, Quoc	14 Ha Noi	7:20.00	7:46.31	
11	Nguyen Xuan, Hoang	18 Thanh Hoa	8:24.00	8:49.14	
---	Ho Nhat, Minh	14 TP Ho Chi Minh	NT	X8:15.72	
---	Dinh Viet, Hung	16 Phu Tho	7:03.00	DNF	

## Event 107 Mixed 4x100 LC Meter CVD Relay

KLQG: 3:12.79 # 2017

Doi tuyen

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1	Dong Nai	A	NT	3:14.26
	1) Vu Dang, Nhat Nam M16	2) Kieu Thi, Anh Vien W13	3) Vo Thi, Tuyet Hoa W17	4) Nguyen Ngoc, Huynh M25
2	TP Ho Chi Minh	A	NT	3:16.93
	1) Ta Hoang, Minh Anh W19	2) Nguyen Tien, Dat M17	3) Le Hoang, Nam Thuyen W19	4) Do Dinh, Toan M23
3	Quan Doi	A	NT	3:21.23
	1) Do Thanh, Thao M17	2) Mai Ngoc, Nhu Truc W14	3) Dao T, Kim Anh W16	4) Le Quy, Don M25
4	Thanh Hoa	A	NT	3:22.25
	1) Dang Trong, Minh M14	2) Le Dinh, Tam M16	3) Hoang Thi, Trang W19	4) Cao Thi, Duyen W19
5	Ha Noi	A	NT	3:30.28
	1) Nguyen Cong, Danh M15	2) Nguyen Luong, Nhung W14	3) Tran Phuong, Nhi W15	4) Hoang Van, Tan M19